

Số: 1453/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 26 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá nhà ở xây thô làm căn cứ
tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 về quản lý chất lượng công trình xây dựng; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 về lệ phí trước bạ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 63/2002/TT-BTC; số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 05-BXD/ĐT ngày 09/02/1993 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định diện tích sử dụng và phân cấp nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-BXD ngày 26/4/2013 của Bộ Xây dựng về việc công bố Tập suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2012;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 25/8/2014;

Xét đề nghị của Liên ngành Tài chính - Xây dựng tại Tờ trình số 271/TTLN-TC-XD ngày 04/8/2014 về việc ban hành bảng giá nhà ở xây thô làm căn cứ tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá nhà ở xây thô tối thiểu để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

| TT | Loại nhà | Đơn vị | Đơn giá (Đồng/m ²) |
|----|--|----------------|--------------------------------|
| I | Nhà ở chung cư cao tầng kết cấu khung BTCT; tường bao xây gạch; sàn, mái BTCT đổ tại chỗ, có số tầng | | |
| 1 | Số tầng <= 5 | m ² | 3.050.000 |
| 2 | 6 tầng <= số tầng <= 8 tầng | m ² | 3.360.000 |

| | | | |
|------------|---|----------------|-----------|
| 3 | 9 tầng <= số tầng <= 15 tầng | m ² | 3.660.000 |
| 4 | Từ 16 tầng trở lên | m ² | 3.980.000 |
| II | Nhà ở riêng lẻ | | |
| 1 | Nhà ở một tầng tường bao xây gạch, mái tôn | m ² | 815.000 |
| 2 | Nhà ở một tầng căn hộ khép kín, kết cấu khung chịu lực, mái BTCT đổ tại chỗ | m ² | 2.130.000 |
| 3 | Nhà từ 2 đến 3 tầng, kết cấu khung chịu lực BTCT, tường bao xây gạch, sàn, mái BTCT đổ tại chỗ | m ² | 3.270.000 |
| III | Nhà biệt thự | | |
| 1 | Nhà kiểu biệt thự từ 2 đến 3 tầng, kết cấu khung chịu lực BTCT; tường bao xây gạch; sàn mái BTCT đổ tại chỗ | m ² | 4.100.000 |

Điều 2. - Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Cục Thuế tỉnh căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và Điều 1 Quyết định này hướng dẫn các đơn vị liên quan thực hiện.

- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *chuyet*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH^D.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Xuân Thơi
Nguyễn Xuân Thơi